

NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CẤU TRÚC NĂNG LỰC THÍCH ỨNG NGHỀ CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

Lê Thị Bích Ngọc

Trường Đại học Hà Tĩnh
Email: ngoc.lethibich@htu.edu.vn

Article history

Received: 12/11/2022

Accepted: 05/12/2022

Published: 05/02/2023

Keywords

Early childhood education, pre-service teacher training, undergraduates, structure of competence, occupational adaptability

ABSTRACT

To meet the requirements of improving the quality of early childhood education, especially in the context that the new preschool education curriculum is being implemented, it is urgent that in the training process at university, in addition to knowledge, students need to be equipped with skills and corresponding competencies, especially vocational adaptability. However, the reality shows that students majoring in Early Childhood Education have limited ability to adapt to learning and vocational training activities, most of whom have not been equipped with the necessary knowledge and skills to form and develop vocational adaptive capacity. The article explores some theoretical issues about the structure of occupational adaptability for students in Early Childhood Education and proposes an appropriate structure of occupational adaptability in the process of training majors in Early Childhood Education, meeting the requirements of preschool education innovation in the new era. These are the basis for evaluating the training process and also the standard for students to train and develop their future career.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT tại Việt Nam, với xu thế hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, GD-ĐT được ưu tiên ở vị trí hàng đầu trong hệ thống các chính sách phát triển quốc gia, đặc biệt đối với ngành Sư phạm. Đề nâng cao chất lượng giáo dục (GD), nhiệm vụ hàng đầu là nâng cao chất lượng đội ngũ GV, nhất là đảm bảo chất lượng đào tạo GV các cấp đáp ứng yêu cầu của đổi mới GD. Sự thay đổi diễn ra nhanh chóng, liên tục của bối cảnh GD-ĐT đặt ra yêu cầu đối với năng lực thích ứng nghề (NLTUN) của sinh viên (SV) sư phạm ngay trong quá trình đào tạo ở trường đại học sư phạm đang ngày càng cấp thiết.

Mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống GD quốc dân và có những đặc thù trong lao động nghề nghiệp. Ngoài những yêu cầu về năng lực (NL) chung của GV thì giáo viên mầm non (GVMN) còn phải thành thạo các năng lực chuyên biệt để đảm bảo thực hiện các hoạt động đặc thù trong nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Vì thế, phát triển NLTUN cho SV ngành Giáo dục mầm non (GDMN) lại càng quan trọng. Các trường sư phạm và các trường đào tạo ngành Sư phạm mầm non hiện nay đã có nhiều đổi mới trong xây dựng chương trình, xác định chuẩn đầu ra, tổ chức các hoạt động rèn luyện nghề nghiệp và triển khai thực hiện quá trình đào tạo theo hướng phát triển NL; tuy nhiên, việc xác định cấu trúc NLTUN nghiệp cho SV ngành GDMN trong các chương trình đào tạo ở một số trường đại học chưa được làm rõ.

Bài báo nghiên cứu một số vấn đề lí luận về cấu trúc NLTUN cho SV ngành GDMN và đề xuất một cấu trúc NLTUN phù hợp với SV ngành GDMN, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN trong giai đoạn mới. Đây là những căn cứ để đánh giá quá trình đào tạo và cũng là tiêu chuẩn để SV rèn luyện và phát triển nghề nghiệp tương lai của bản thân.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Theo tác giả Dương Thị Nga (2012) NLTUN là khả năng cá nhân tích cực vận dụng các kiến thức, kĩ năng vào quá trình rèn luyện, thay đổi, cải tạo và sáng tạo bản thân và môi trường, nhằm đáp ứng được những yêu cầu của hoạt động học tập và rèn luyện nghề nghiệp, trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. Như vậy, mỗi nghề khác nhau sẽ có những yêu cầu khác nhau về NLTUN và liên quan chặt chẽ với năng lực nghề đó.

NLTUN của SV ngành GDMN là khả năng SV tích cực học tập, trau dồi phẩm chất, rèn luyện kĩ năng, chuẩn bị tâm thế nghề nghiệp nhằm đáp ứng các yêu cầu về phẩm chất, năng lực nghề nghiệp, gắn bó với nghề và làm việc hiệu quả sau khi tốt nghiệp. Theo các tác giả Vũ Phương Liên và Trần Lan Anh (2018), NLTUN của GVMN là việc cá nhân tích cực tìm hiểu

về nghề, quan tâm đến nghề, có khả năng kiểm soát, tự tin trong nghề, chủ động hòa nhập với các hoạt động nghề nghiệp và nội dung nghề nghiệp, tự giác rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, bồi dưỡng lòng yêu nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của nghề.

Thích ứng nghề có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động nghề nghiệp, giúp cá nhân có khả năng thay đổi những đặc điểm tâm - sinh lí và nhân cách phù hợp, đáp ứng yêu cầu của hoạt động, đạt hiệu quả lao động và nâng cao năng suất lao động. Để thích ứng nghề tốt nhất, cá nhân mỗi SV cần được rèn luyện, hình thành, phát triển NLTUN (Duong Thị Nga, 2012). Với SV sư phạm, quá trình thích ứng nghề và NLTUN giúp cho họ nhanh chóng làm quen quá trình học tập, rèn luyện, phát triển các phẩm chất và NL nghề nghiệp ngay trong quá trình đào tạo ở trường đại học (Duong Thị Nga, 2012). Chính vì vậy, việc nghiên cứu phát triển NLTUN cho SV ngành GDMN có ý nghĩa rất lớn cả về lí luận và thực tiễn.

2.2. Cơ sở xác định cấu trúc năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non

2.2.1. Chuẩn nghề nghiệp GVMN, quy định tại Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT (Bộ GD-ĐT, 2018)

Chuẩn nghề nghiệp GVMN bao gồm các yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; kiến thức; kỹ năng sư phạm mà GVMN cần phải đạt được nhằm đáp ứng mục tiêu GDMN. Chuẩn nghề nghiệp GVMN năm 2018 tiếp cận theo hướng phát triển NL đáp ứng với xu hướng đổi mới hiện nay. Chuẩn này bao gồm 5 tiêu chuẩn, trong đó có 1 tiêu chuẩn về phẩm chất và 4 tiêu chuẩn về NL, gồm 13 NL sau: (1) NL phát triển chuyên môn bản thân; (2) NL nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ; (3) NL GD trẻ phát triển toàn diện; (4) NL quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ của GV; (5) NL xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ; (6) NL quản lí nhóm, lớp; (7) NL xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện; (8) Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường; (9) Phối hợp với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em; (10) Phối hợp với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ em và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em; (11) Sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc tiếng dân tộc của trẻ em; (12) Ứng dụng công nghệ thông tin; (13) Thể hiện khả năng nghề thuật trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em.

2.2.2. Chuẩn đầu ra các trường đại học sư phạm đào tạo ngành Giáo dục mầm non

Trên cơ sở nghiên cứu chuẩn đầu ra của các trường sư phạm có kinh nghiệm đào tạo (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Huế, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh), cơ bản có chung những yêu cầu về chuẩn đầu ra cho SV ngành GDMN như sau:

Chương trình đào tạo trước 2019 các trường đều xác định chuẩn đầu ra theo các yêu cầu về kiến thức, yêu cầu về kỹ năng và yêu cầu về thái độ, vị trí làm việc của SV sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập, nâng cao trình độ của SV sau khi ra trường. Tuy nhiên trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT, chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển NL thì từ năm 2020, chuẩn đầu ra ở các trường đã được xây dựng lại theo các yêu cầu về phẩm chất và NL, trong đó có các nhóm NL chung, NL sư phạm và NL nghề nghiệp được xác định, cụ thể:

+ *Về phẩm chất*: Ở chuẩn này các trường đưa ra các tiêu chuẩn và các chỉ báo cụ thể, trong đó bao gồm các tiêu chí và chỉ báo về phẩm chất chính trị và trách nhiệm công dân; đạo đức nghề nghiệp và phong cách nhà giáo.

+ *Về NL chung*: NL tự chủ và thích ứng với sự thay đổi; NL giao tiếp và hợp tác; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL phản biện.

+ *Về NL sư phạm*: NL dạy học, NL GD, NL định hướng sự phát triển học sinh, NL hoạt động xã hội và NL phát triển nghề nghiệp (chuẩn đầu ra Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); NL đặc thù của khoa học chuyên ngành, NL phát triển chương trình chuyên môn, NL nghiên cứu khoa học GD chuyên ngành (chuẩn đầu ra Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế).

+ *Về NL nghề nghiệp*: NL khoa học GDMN, NL sử dụng học vấn GD tổng quát và học vấn khoa học GDMN để giải thích chương trình GDMN, NL hiểu và vận dụng các kiến thức khoa học tổng quát và khoa học ngành vào thực tiễn, NL nghiên cứu khoa học GDMN, NL sử dụng tiếng nước ngoài trong hoạt động chăm sóc - GD trẻ (chuẩn đầu ra Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); NL nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ mầm non, NL định hướng sự phát triển của trẻ mầm non, NL phát triển nghề nghiệp, NL hoạt động xã hội (chuẩn đầu ra Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế).

2.2.3. Các hoạt động phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên tại các trường đào tạo sinh viên ngành Giáo dục mầm non

Hoạt động phát triển NL nghề nghiệp cho SV là nền tảng hướng tới quá trình rèn luyện năng lực sư phạm cho GV tương lai. Việc phát triển NL nghề nghiệp phải được chú trọng bắt đầu từ việc rèn luyện kỹ năng thực hành chuyên môn làm cơ sở để khắc sâu, mở rộng những tri thức về chuyên môn nghiệp vụ và từ đó bồi dưỡng tình cảm nghề nghiệp. Mỗi SV theo học ngành GDMN đều phải trải qua một quá trình rèn luyện và phát triển NL nghề nghiệp qua các giai đoạn:

Thực hành bộ môn: Ngay trong chính các môn học cơ sở và môn học chuyên ngành, bên cạnh việc cung cấp kiến thức lí thuyết làm nền tảng cho sự tiếp cận tri thức về môn học thì các giờ thảo luận, thực hành trong môn học còn chú trọng đến việc thực hành rèn nghề nghiệp cho SV. Tùy tính chất của từng môn học, giảng viên sẽ tổ chức cho SV các hoạt động như: dự giờ giảng mẫu tại trường mầm non, tập tổ chức các hoạt động chăm sóc và GD trẻ theo mục tiêu của nội dung chương trình.

Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên: Là hoạt động chiếm ưu thế trong việc phát triển NL nghề nghiệp cho SV mầm non. Các hoạt động này được tiến hành thường xuyên, linh hoạt với nhiều hình thức khác nhau. Có thể được tổ chức theo lớp, theo nhóm, theo cá nhân với nhiều hoạt động đa dạng như: Rèn luyện kĩ năng soạn giáo án, xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ; tập giảng; làm đồ dung đồ chơi và xây dựng môi trường GD theo chủ đề, chủ điểm; làm quen và xử lí các tình huống sư phạm; tổ chức các cuộc thi nghiệp vụ sư phạm các cấp.

Kiến tập sư phạm: thường được tiến hành ở năm thứ 3 trong đào tạo đại học và năm thứ 2 trong đào tạo cao đẳng với nội dung: Nghe báo cáo tình hình địa phương và nhà trường; dự giờ giảng mẫu của GV; tập lập kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ; tập soạn giáo án, tập giảng và giảng một giờ để đánh giá; tập tổ chức các hoạt động GD; viết báo cáo kiến tập sư phạm.

Thực tế GD: Tìm hiểu các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ tại một số cơ sở GDMN công lập, ngoài công lập trong và ngoài tỉnh. Mục đích của hoạt động này là thông qua việc thâm nhập thực tế để hình thành kĩ năng nghề nghiệp, củng cố niềm tin và tình yêu nghề nghiệp cho SV và tạo động lực thúc đẩy SV tích cực trong các hoạt động phát triển NL nghề nghiệp của mình, đáp ứng yêu cầu thực tế của các môi trường nghề nghiệp khác nhau, ở các địa phương khác nhau. Nội dung của hoạt động thực tế GD: SV được biên chế thành đoàn thực tế GD, đến ít nhất là 2 trường mầm non công lập và ngoài công lập để tham quan các phòng học của trẻ, các khu vực trong trường; nghe báo cáo lịch sử phát triển và đặc điểm tình hình thực tế của nhà trường; dự giờ và tham gia các hoạt động GD ở cả 2 nhóm lớp là nhà trẻ và mẫu giáo; tham quan di tích và danh lam thắng cảnh của địa phương (Trần Khánh Đức, 2012).

Thực tập sư phạm: Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong quá trình rèn luyện và phát triển NL nghề nghiệp cho SV, ở hoạt động này SV sẽ được tham gia tất cả các hoạt động ở trường mầm non như một GV thực thụ tại trường. Thực tập sư phạm được tiến hành liên tục trong 8 tuần của năm thứ 4 hệ đào tạo đại học và năm thứ 3 của hệ đào tạo cao đẳng. Nội dung của hoạt động này bao gồm: Nghe báo cáo tình hình địa phương và tình hình phát triển của nhà trường; tìm hiểu đặc điểm tình hình của nhóm, lớp được phân công chủ nhiệm; lập kế hoạch chủ nhiệm; dự giờ mẫu; soạn giáo án; thực hành nuôi dưỡng, chăm sóc và GD ở các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo; viết các loại hồ sơ GD; tham gia các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội tại nhà trường và địa phương (Trần Khánh Đức, 2012).

Như vậy, toàn bộ các hoạt động và nội dung của các hoạt động rèn luyện và phát triển NL nghề nghiệp cho SV đều nhằm mục tiêu hình thành NL và phẩm chất nghề nghiệp của GVMN, từ đó SV thích ứng với công việc sau khi ra trường một cách nhanh chóng và công tác hiệu quả.

2.2.4. Một số nghiên cứu về năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong chương trình đào tạo của trường đại học sư phạm

- *Nghiên cứu về NLTUN trong chương trình đào tạo GV.* Trong các nghiên cứu, cấu trúc của năng lực được tiếp cận theo hai hướng là tiếp cận theo NL bộ phận và tiếp cận theo nguồn lực hợp thành.

Theo hướng nghiên cứu tiếp cận theo NL bộ phận, tác giả Nguyễn Thu Hà (2014) cho rằng cấu trúc NL gồm ba bộ phận chính là: Hợp phần, thành tố và hành vi. Trong đó hợp phần là những NL trong lĩnh vực chuyên môn; thành tố là các NL bộ phận tạo nên hợp phần; hành vi là bộ phận được chia tách ra từ các thành tố. Bend Meier - Nguyễn Văn Cường (2011) cho rằng đó là NL thực hiện, là sự kết hợp của 4 NL thành phần: NL chuyên môn, NL phương pháp, NL xã hội, NL cá thể. Trần Khánh Đức (2012) đưa ra 7 NL then chốt: NL thu thập, phân tích và tổ chức thông tin; NL truyền bá tư tưởng thông tin; NL kế hoạch hóa và tổ chức các hoạt động; NL làm việc với người khác và đồng đội; NL sử dụng những ý tưởng và kĩ thuật toán học; NL giải quyết vấn đề; NL sử dụng công nghệ.

Tiếp cận cấu trúc NL theo nguồn lực hợp thành được nhiều tác giả nghiên cứu theo hướng này. Cấu trúc NL là sự tích hợp của tri thức, kĩ năng, thái độ. Tiêu biểu cho hướng tiếp cận này, tác giả Đặng Thành Hưng (2012) cho rằng NL có cấu trúc phức tạp, song những thành tố cơ bản của nó chỉ gồm tri thức, kĩ năng và hành vi biểu cảm (thái độ). Tác giả Mạc Văn Trang (2000) cho rằng NL nghề nghiệp được cấu thành bởi ba yếu tố: tri thức chuyên môn, kĩ năng hành nghề và thái độ đối với nghề... Các nghiên cứu cho thấy cấu trúc của NL là cấu trúc phức hợp, tùy theo từng lĩnh vực cụ thể có cấu trúc khác nhau nhưng vẫn bao hàm các thành phần cơ bản là tri thức, kĩ năng và thái độ.

Tác giả Nguyễn Xuân Thức (2005) đã tiến hành nghiên cứu trên SV Trường Đại học Sư phạm Hà Nội ở ba mặt: nhận thức về các nội dung rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thái độ đối với việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và hành vi rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Tác giả Trần Thị Minh Đức (2014) đã làm rõ những chỉ báo về thích ứng của SV năm thứ nhất - Đại học Quốc gia Hà Nội trong hoạt động học tập ở đại học như: Chỉ báo tâm lý về sự thích ứng, chỉ báo về nhà trường về sự thích ứng, chỉ báo về thích ứng liên quan đến nhận thức và cách thức thức tổ chức học tập của SV.

Như vậy, các tác giả đều cho rằng, về cơ bản, các thành tố trong NLTUN của con người nói chung đều bao hàm ba thành tố: nhận thức, hành động và thái độ. Tác giả Dương Thị Nga (2012, tr 5-6) cho rằng, để phát triển NLTUN của SV cao đẳng sư phạm, cần phát triển: NLTU với việc tự học và hoàn thiện các phẩm chất nhân cách của người GV trong xã hội luôn thay đổi; NLTU với quá trình đào tạo nghề ở trường sư phạm và sự thay đổi của hoàn cảnh cá nhân; NLTU với hoạt động dạy học; NLTU với các hoạt động GD; NLTU với yêu cầu phát triển chuyên môn liên tục của GV; NLTU với thực tế GD ở trường phổ thông; NLTU với các hoạt động chính trị - xã hội. Tác giả Lê Ngọc Hòa (2017) xác định cấu trúc NLTUN: NL nhận thức nghề, NL tiến hành phương thức hoạt động nghề, NL cảm xúc với việc tiến hành phương thức hoạt động nghề. Trong đó, nhận thức nghề là thành tố định hướng cho việc tiến hành các phương thức hoạt động nghề; cảm xúc là thành tố kích thích tiến hành phương thức hoạt động nghề, gắn kết giữa nhận thức và tiến hành phương thức hoạt động nghề; tiến hành phương thức hoạt động nghề là thành tố trung tâm, chủ đạo, là điều kiện để SV phát triển kỹ năng chuyên môn trong hoạt động nghề nghiệp.

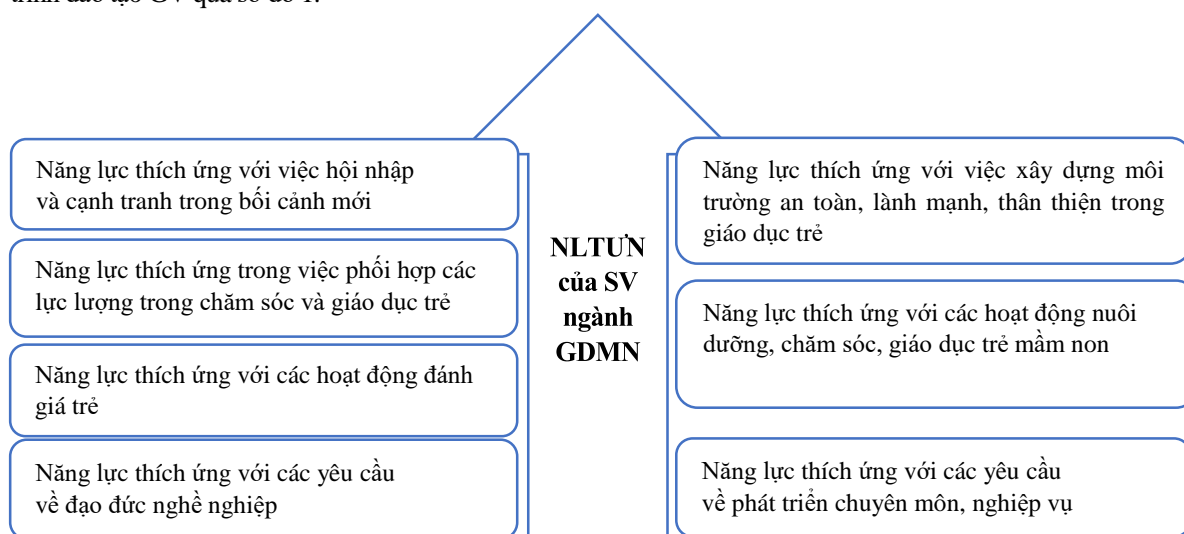
Như vậy, mỗi ngành, nghề khác nhau sẽ có những yêu cầu khác nhau về cấu trúc NLTUN và cần thiết phải được xác định cụ thể hóa trong chương trình đào tạo, làm căn cứ cho SV rèn luyện trong quá trình học tập tại trường và cũng là tiêu chí để các nhà trường đánh giá chất lượng đào tạo.

- *Nghiên cứu về NLTUN của sinh viên ngành GDMN trong chương trình đào tạo GV.* Tác giả Vũ Phương Liên và Trần Lan Anh (2017) trong nghiên cứu xây dựng bộ công cụ đánh giá NLTUN nghiệp của GVMN đã xác định cấu trúc NLTUN của GVMN: NL tìm hiểu về nghề nghiệp của GVMN; NL tự tin trong nghề nghiệp, NL quan tâm nghề nghiệp của GVMN và NL kiểm soát trong nghề nghiệp của GVMN.

Nghiên cứu biện pháp phát triển NLTUN nghiệp cho SV ngành GDMN Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, các tác giả đã xác định cấu trúc NLTUN của SV ngành GDMN bao gồm: Thích ứng với tâm thế nghề nghiệp; thích ứng với nội dung nghề nghiệp; thích ứng với kỹ năng thực hiện nghề nghiệp; thích ứng với việc tổ chức môi trường - điều kiện - phương tiện - hình thức nghề nghiệp và thích ứng với mối quan hệ nghề nghiệp (Nguyễn Thị Bảy, 2019).

2.3. Đề xuất mô hình cấu trúc năng lực thích ứng nghề của sinh viên ngành Giáo dục mầm non trong chương trình đào tạo giáo viên

Trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp hiện hành của GVMN, chuẩn đầu ra của các trường đào tạo ngành GDMN, các hoạt động rèn luyện và phát triển NL nghề nghiệp cho SV tại các trường sư phạm, các công trình nghiên cứu về cấu trúc của NLTUN của SV và SV mầm non, chúng tôi đề xuất cấu trúc NLTUN của SV ngành GDMN trong chương trình đào tạo GV qua sơ đồ 1:



Sơ đồ 1. Cấu trúc NLTUN của SV ngành GDMN trong chương trình đào tạo GV

Trên cơ sở cấu trúc NLTUN được xây dựng ở trên cùng với các nghiên cứu lí luận thực tiễn, chúng tôi xác định các tiêu chí, chỉ báo đánh giá mức độ NLTUN của SV ngành GDMN như sau:

NLTUN	Tiêu chí	Chỉ báo
Các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp	Yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước	Yêu thiên nhiên; tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường
		Hiểu và chấp hành nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần bảo vệ và xây dựng đất nước
		Yêu quê hương, yêu đất nước; giữ gìn và bảo vệ những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc
	Yêu nghề, yêu thương trẻ	Tự hào về nghề dạy học
		Tận tụy với nghề dạy học
		Yêu thương, hết lòng với trẻ
	Trung thực và đáng tin cậy	Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải
		Trung thực trong học tập, trong các hoạt động nghề nghiệp và trong cuộc sống
	Ý thức tự học, tự rèn luyện bản thân và hỗ trợ đồng nghiệp	Ý thức được vai trò và ý nghĩa của tự học, tự nghiên cứu suốt đời đối với người GV
		Coi trọng việc tìm kiếm, lựa chọn những tri thức cần thiết để tự học, tự nghiên cứu suốt đời
Chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ bạn bè, đồng nghiệp trong học tập, rèn luyện; tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng		
Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ	Tri thức khoa học về GDMN	Nắm được đặc điểm tâm - sinh lí của trẻ mầm non
		Nắm được đặc điểm các hoạt động của trẻ mầm non và cách thức tổ chức các hoạt động
		Nắm được các phương pháp GD trẻ mầm non
	Phát triển chuyên môn của bản thân	Có kế hoạch phát triển chuyên môn nghiệp vụ bản thân
		Tham gia và hoàn thành đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức
		Cập nhật kiến thức chuyên môn, yêu cầu đổi mới, phương pháp, hình thức tổ chức chăm sóc - GD trẻ
	Quản lí nhóm lớp	Quản lí trẻ
		Quản lí cơ sở vật chất
		Quản lí sổ sách của nhóm lớp theo quy định
	Khả năng nghệ thuật	Hát
Múa		
Đọc và kể chuyện diễn cảm		
Các nghệ thuật khác		
Nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ mầm non	Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ phát triển toàn diện	Xây dựng được kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ
		Điều chỉnh kế hoạch phù hợp với đặc điểm của trẻ và điều kiện thực tế của nhóm/lớp
	Thực hiện việc nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em	Đảm bảo chế độ sinh hoạt cho trẻ
		Đảm bảo chế độ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn và phòng bệnh cho trẻ
Thực hiện GD phát triển trẻ em	Thực hiện được kế hoạch GD trong nhóm/ lớp	
	Đổi mới phương pháp và hình thức GD nhằm thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ	
Hoạt động đánh giá trẻ	Đánh giá sự phát triển của trẻ	Sử dụng được các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ
		Có kế hoạch và thực hiện đánh giá trẻ theo quy định
	Phản hồi thông tin đến phụ huynh của trẻ	Phản hồi thông tin đánh giá trẻ cho cha mẹ trẻ
Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện trong GD trẻ	Xây dựng môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện	Thực hiện các quy định về môi trường GD an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực trẻ em
		Thực hiện tốt nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà trường
	Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường	Thực hiện các quy định về quyền trẻ em
		Thực hiện các quy định về quyền dân chủ của bản thân, đồng nghiệp, cha mẹ trẻ theo quy chế dân chủ
Phối hợp các	Phối hợp với cha, mẹ hoặc người giám hộ	Xây dựng mối quan hệ gần gũi, tôn trọng và hợp tác với cha mẹ và cộng đồng trong chăm sóc và GD trẻ

lực lượng trong chăm sóc và GD trẻ	trẻ em và cộng đồng để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em	Hỗ trợ cha mẹ và cộng đồng trong chăm sóc và GD trẻ về kiến thức, cách thức chăm sóc, GD trẻ tại gia đình và cộng đồng
	Phối hợp với cha, mẹ hoặc người giám hộ trẻ và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em	Tuyên truyền với cha mẹ, cộng đồng về quyền trẻ em
		Xây dựng mối quan hệ gần gũi, tôn trọng và hợp tác với cha mẹ và cộng đồng để bảo vệ quyền trẻ em
Hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh mới	Sử dụng ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Anh) hoặc tiếng dân tộc của trẻ em	Sử dụng được các từ ngữ, câu đơn giản trong giao tiếp bằng một ngoại ngữ (ưu tiên tiếng anh) hoặc giao tiếp thông thường bằng tiếng dân tộc ở những vùng có trẻ người dân tộc
	Ứng dụng công nghệ thông tin	Sử dụng được các phần mềm ứng dụng cơ bản trong chăm sóc, GD trẻ em Sử dụng được các thiết bị công nghệ đơn giản phục vụ hoạt động chăm sóc, GD trẻ em
	Phát triển kĩ năng mềm	Có ý thức trong việc rèn luyện các kĩ năng mềm phục vụ nghề nghiệp và cuộc sống

3. Kết luận

Thích ứng nghề là vấn đề quan trọng giúp SV nâng cao nhận thức hiểu biết về nghề, những yêu cầu của nghề, hình thành và củng cố niềm tin, tình cảm, xây dựng tâm thế sẵn sàng tham gia vào thực tế hoạt động nghề nghiệp, từ đó phát triển các phẩm chất, năng lực để đáp ứng với các yêu cầu nghề nghiệp. Nghiên cứu quá trình đào tạo GVMN các cơ sở đào tạo cho thấy, các nhà trường đã rất chú trọng trang bị kiến thức, phát triển năng lực và phẩm chất nghề nghiệp cho SV. Xây dựng cấu trúc NLTUN sẽ là tiêu chuẩn để SV rèn luyện và phát triển nghề nghiệp tương lai của bản thân, cũng là căn cứ để đánh giá chất lượng đào tạo SV chuyên ngành GDMN của các cơ sở đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2018). *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non* (ban hành kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Đặng Thành Hưng (2012). Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, 43, 18-26.
- Dương Thị Nga (2012). *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên cao đẳng sư phạm*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
- Lê Ngọc Hòa (2017). *Phát triển năng lực thích ứng nghề của sinh viên trong dạy học ngành công nghệ kỹ thuật điện, điện tử*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Mạc Văn Trang (2000). Thử đề xuất một quan niệm về nhân cách trong cơ chế thị trường. *Tạp chí Tâm lý học*, 4, 18-22.
- Nguyễn Thị Bảy (2019). Một số biện pháp phát triển năng lực thích ứng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10*, 95- 98.
- Nguyễn Thu Hà (2014). Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lí luận cơ bản. *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội - Nghiên cứu giáo dục*, 30(2), 56-64.
- Nguyễn Văn Cường, Bernd Meier (2011). *Cơ sở đổi mới phương pháp dạy học*. Đại học Potsdam, Berlin.
- Nguyễn Xuân Thúc (2005). Sự thích ứng với hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của sinh viên đại học sư phạm. *Tạp chí tâm lý học*, 8, 46-48.
- Trần Khánh Đức (2012). Năng lực và năng lực nghề nghiệp. *Tạp chí Giáo dục*, 283, 23-26.
- Trần Thị Minh Đức (2004). *Nghiên cứu sự thích ứng của sinh viên năm thứ nhất - Đại học Quốc gia Hà Nội với môi trường đại học*. Đề tài nghiên cứu khoa học đặc biệt cấp đại học quốc gia, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế. *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học*. http://www.dhsphue.edu.vn/media/db_html_cmp_0603/3451_Q%C4%90_%C4%90HSP%20Ban%20hanh%200Chuan%20dau%20ra%20CTDT.pdf
- Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. *Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học*. <http://daotao.hnue.edu.vn/Uploads/files/CDR-GDMN.pdf>
- Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trình độ đại học*. https://hcmue.edu.vn/vi/?option=com_content&view=article&id=835&Itemid=802&lang=fr&site=66
- Vũ Phương Liên, Trần Lan Anh (2018). Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực thích ứng nghề nghiệp của giáo viên mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 442, 15-22.